

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC TIẾNG ANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 413/TB-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO LỊCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu
Châu Âu, đợt thi ngày 31 tháng 5 năm 2020

I. LỊCH THI

Ngày	Buổi	Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Chủ nhật 31/5/2020	Sáng	- Đọc và Viết - Nghe	01	Phòng Lab 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1)	- Đọc và Viết: 70 phút - Nghe: 30 phút	7h00'
			02	Phòng học lý thuyết 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1)		
			03	Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)		
			04	Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)		
	Chiều	Nói	01	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	10h00'
				1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	13h00'
				1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	14h30'
	Chiều	Nói	04	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	16h00'
				1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	16h00'
				1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	16h00'



II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN Chủ nhật ngày 31/5/2020		CHỦ TRÌ
		Sáng	Chiều	
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ	7:00 - 7:15	13:00 - 13:05	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	7:15 - 7:30		Thư ký HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời	7:30 - 8:00	13:05 - 13:10	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	8:00 - 8:05	13:10 - 13:15	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	8:05 - 8:15	13:15 - 13:20	Cán bộ coi thi 1
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	8:15 (Đọc và Viết) 9:25 (Nghe) 10:15 (Nói - Phòng 01)	13:30 (Nói - Phòng 02) 15:00 (Nói - Phòng 03) 16:30 (Nói - Phòng 04)	Cán bộ coi thi 1
7	Thu bài thi	9:55	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi		Cán bộ coi thi và Ban thư ký
9	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

TM. HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Mai Thị Huyền

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Đợt thi ngày 31 tháng 5 năm 2020

Phòng thi: 01

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA01	Lê Văn Anh	20/05/1997	Thái Bình	Nữ	D-THUY5A	15DTY0269	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
2	TA02	Nguyễn Thị Hồng Anh	08/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5B	15DTY0331	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
3	TA03	Nguyễn Tuấn Anh	15/04/1998	Hưng Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0450	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
4	TA04	Hoàng Nguyệt Ánh	13/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0132	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
5	TA05	Nguyễn Ngọc Ánh	12/06/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0396	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
6	TA06	Nguyễn Thanh Bình	09/09/1999	Sơn La	Nam	D-THUY7A	17DTY0523	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
7	TA07	Nguyễn Thị Bình	01/02/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0403	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
8	TA08	Nông Thị Bình	09/03/2000	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0399	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
9	TA09	Diêm Thị Lan Chi	16/08/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0401	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
10	TA10	Hoàng Thị Linh Chi	27/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0403	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
11	TA11	Phạm Thị Kim Chi	24/10/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0402	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
12	TA12	Nguyễn Văn Cường	24/06/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6B	16DTY0460	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
13	TA13	Phạm Mạnh Cường	03/02/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0398	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
14	TA14	Nguyễn Quang Doanh	28/07/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0370	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
15	TA15	Phạm Văn Duy	06/05/1994	Nam Định	Nam	D-QLTN4C	14DQLTN0267	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
16	TA16	Bùi Tiến Đạt	04/09/1999	Yên Bái	Nam	D-THUY7A	17DTY0526	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
17	TA17	Nguyễn Văn Đoan	20/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTNR6A	16DQLTNR0079	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
18	TA18	Nguyễn Thị Đông	02/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0370	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
19	TA19	Phạm Hà Giang	04/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0406	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
20	TA20	Nguyễn Văn Hải	09/02/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DCNTY0044	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
21	TA21	Trần Bá Hải	24/06/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0404	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
22	TA22	Trần Hoàng Hải	12/08/1999	Hà Nội	Nam	D-THUY7A	17DTY0530	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
23	TA23	Vũ Văn Hải	25/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0463	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
24	TA24	Nguyễn Thị Hạnh	21/08/1996	Nam Định	Nữ	D-THUY5B	15DTY0339	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02
25	TA25	Nguyễn Văn Hạnh	11/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0533	07h00'	Phòng Lab 01	10h00'	PM 01	PM 02

Danh sách trên gồm 25 thí sinh./.

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIỀU CHÂU ÂU

Đợt thi ngày 31 tháng 5 năm 2020

Phòng thi: 02

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA26	Phùng Thị Hạnh	02/04/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0371	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
2	TA27	Trần Thị Thanh Hằng	30/05/1998	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN7A	16DKT0335	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
3	TA28	Nguyễn Thị Hân	01/10/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0285	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
4	TA29	Vũ Thị Hiền	25/04/1999	Ninh Bình	Nữ	D-THUY7A	17DTY0535	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
5	TA30	Bùi Thị Hiêng	25/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0434	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
6	TA31	Hoàng Trung Hiếu	22/04/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5B	15DTY0342	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
7	TA32	Nguyễn Phương Hoa	05/11/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0409	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
8	TA33	Nguyễn Thành Huân	14/08/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0410	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
9	TA34	Hoàng Thị Minh Huệ	06/11/1996	Bắc Giang	Nữ	D-THUY4A	14DQLTNR0013	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
10	TA35	Bùi Quang Huy	03/06/1999	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0412	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
11	TA36	Chu Quốc Huy	09/05/2000	Lạng Sơn	Nam	D-THUY8A	18DTY0567	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
12	TA37	Vũ Quang Huy	24/10/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0019	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
13	TA38	Đặng Thị Huyền	08/05/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0292	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
14	TA39	Nguyễn Quang Hưng	05/02/1997	Hà Nội	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0346	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
15	TA40	Hà Minh Khải	15/11/1999	Thanh Hóa	Nam	D-THUY7A	17DTY0541	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
16	TA41	Nguyễn Công Khanh	25/05/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0449	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
17	TA42	Cao Thị Ngọc Khánh	11/07/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0543	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
18	TA43	Lương Văn Khánh	21/06/1998	Lạng Sơn	Nam	D-THUY6A	16DTY0418	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
19	TA44	Nguyễn Tiến Lịch	27/09/1998	Phú Thọ	Nam	D-THUY6A	16DTY0420	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
20	TA45	Đào Văn Linh	19/04/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0023	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
21	TA46	Vũ Thị Diệu Linh	13/06/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0414	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
22	TA47	Nguyễn Đức Lộc	23/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0424	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
23	TA48	Nguyễn Thị Mai	14/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0379	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
24	TA49	Trần Thị Hương Mai	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0378	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02
25	TA50	Trần Văn Mạnh	27/11/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0416	07h00'	P.Lý thuyết 01	13h00'	PM 01	PM 02

Danh sách trên gồm 25 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Đợt thi ngày 31 tháng 5 năm 2020

Phòng thi: 03

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA51	Nguyễn Hồng Minh	04/07/1996	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD4B	14DQLDD0377	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
2	TA52	Nguyễn Văn Minh	22/03/1997	Hà Nội	Nam	D-THUY5B	15DTY0356	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
3	TA53	Nguyễn Thị Hồng Mơ	15/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0456	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
4	TA54	Đình Văn	21/10/1997	Bắc Ninh	Nam	D-THUY5B	15DTY0357	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
5	TA55	Nguyễn Việt	25/06/1997	Hải Dương	Nam	D-THUY5A	15DTY0302	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
6	TA56	Vũ Kim Ngân	23/03/1998	Hòa Bình	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0026	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
7	TA57	Hoàng Giang	27/07/1997	Lạng Sơn	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0027	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
8	TA58	Giáp Thị Minh Ngọc	21/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0547	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
9	TA59	Nguyễn Thị Ngọc	16/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0003	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
10	TA60	Phạm Thị Thái Ngọc	25/07/2000	Hưng Yên	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0417	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
11	TA61	Lê Hồng Nhung	10/11/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0418	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
12	TA62	Nguyễn Thị Nương	11/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0419	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
13	TA63	Phạm Hồng Phong	05/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0548	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
14	TA64	Đỗ Thị Kim Phụng	16/06/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5B	15DTY0363	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
15	TA65	Nguyễn Mạnh Quân	25/10/1999	Hà Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0549	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
16	TA66	Nguyễn Văn Quý	28/10/1997	Bắc Ninh	Nam	D-THUY5B	15DTY0365	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
17	TA67	Lê Thị Quỳnh	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0383	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
18	TA68	Thân Thị Như Quỳnh	02/03/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0551	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
19	TA69	Nguyễn Thị Sen	24/02/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0421	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
20	TA70	Nguyễn Văn Sinh	27/09/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0552	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
21	TA71	Nguyễn Bá Hồng Sơn	04/06/1997	Hà Nội	Nam	D-THUY5A	15DTY0368	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
22	TA72	Phạm Trọng Sơn	09/09/1999	Bắc Ninh	Nam	D-THUY7A	17DTY0553	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
23	TA73	Trần Thanh Sơn	08/04/1998	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE6A	16DKT0026	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
24	TA74	Nguyễn Văn Tâm	18/06/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0555	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
25	TA75	Bùi Thị Thanh	14/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0461	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
26	TA76	Trần Trọng Thành	28/09/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6C	16DTY0500	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
27	TA77	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0423	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02
28	TA78	Nguyễn Xuân Thắm	05/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0498	07h00'	PM01	14h30'	PM 01	PM 02

Danh sách trên gồm 28 thí sinh./

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Đợt thi ngày 31 tháng 5 năm 2020

Phòng thi: 04

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT,		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA79	Nguyễn Ngọc Thắng	06/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0377	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
2	TA80	Nguyễn Toàn Thắng	20/12/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0353	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
3	TA81	Phạm Tiến Thắng	31/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	16DTY0435	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
4	TA82	Dương Thu Thêu	16/02/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0556	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
5	TA83	Nguyễn Đức Thiện	29/06/1994	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0557	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
6	TA84	Tổng Văn Thịnh	13/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTNR6A	16DQLTNR0083	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
7	TA85	Trần Thị Kim Thoa	10/02/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0558	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
8	TA86	Lành Thị Thơ	07/02/1999	Lạng Sơn	Nữ	D-THUY7A	17DTY0523	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
9	TA87	Nguyễn Thị Thơ	01/01/1988	Bắc Giang	Nữ	D-QLDD6A	16DQLDD0453	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
10	TA88	Nguyễn Duy Thụ	06/03/1998	Bắc Ninh	Nam	C-THUY18A	17CTY0112	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
11	TA89	Vũ Thanh Trà	22/04/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0424	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
12	TA90	Hoàng Thị Huyền Trang	30/08/1999	Hà Nam	Nữ	D-THUY7A	17DTY0561	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
13	TA91	Tạ Thị Minh Trang	02/02/2000	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0164	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
14	TA92	Trần Thị Kiều Trinh	20/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0389	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
15	TA93	Nguyễn Đức Trung	30/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0513	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
16	TA94	Nguyễn Mạnh Tuấn	06/07/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0425	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
17	TA95	Diêm Thị Tuyết	23/11/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0427	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
18	TA96	Nguyễn Thị Kim Tươi	04/04/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0426	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
19	TA97	Hoàng Thị Uyên	15/07/2000	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0431	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
20	TA98	Phan Thị Thu Uyên	11/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0391	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
21	TA99	Nguyễn Khánh Vân	04/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0392	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
22	TA100	Diêm Đình Việt	13/12/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY19A	18CTY0123	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
23	TA101	Vũ Văn Xếp	10/11/1996	Bắc Giang	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0358	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
24	TA102	Lê Thị Hồng Xuân	31/01/1996	Bắc Ninh	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0041	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02
25	TA103	Vi Thị Yên	19/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0042	07h00'	PM02	16h00'	PM 01	PM 02

Danh sách trên gồm 25 thí sinh./.